

THÔNG BÁO

**Công khai kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục
Nhà máy xử lý nước thải Cảng cá La Gi, đợt 1 tháng 11/2025**

Thực hiện Kế hoạch số 73/KH-BQLC ngày 18/8/2025 của Ban Quản lý các Cảng cá tỉnh Lâm Đồng về Công khai kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2025, Ban Quản lý các Cảng cá tỉnh Lâm Đồng công khai kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục Nhà máy xử lý nước thải Cảng cá La Gi, đợt 1 tháng 11/2025 như sau:

1. Thông tin cơ sở: NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI CẢNG CÁ LA GI

- Địa chỉ: Phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng
- Giấy phép môi trường số 29/GPMT-UBND ngày 18/9/2025.

2. Thông tin dữ liệu công khai:

- Tên mẫu: Nước thải sau xử lý;
- Thông số quan trắc: TSS, COD, pH, Amoni, Lưu lượng nước thải đầu ra;
- Giá trị trung bình ngày (24 giờ);
- Thời gian: Từ ngày 12/10/2025 đến ngày 10/11/2025.

Giao Văn phòng Ban công khai thông báo này lên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý các Cảng cá tỉnh Lâm Đồng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Văn phòng Ban;
- BDH KTB – cảng cá La Gi;
- Lưu: VT, QLHTKT_{Duyên}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Đình Hùng

PHỤ LỤC**Kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục của Nhà máy xử lý nước thải Cảng cá La Gi, đợt 1 tháng 10/2025***(Đính kèm Thông báo số 383 /TB-BQLC ngày 11 /11/2025 của Ban Quản lý các Cảng tỉnh Lâm Đồng)*

STT	Ngày	TSS		COD		pH		Amoni		Lưu lượng đầu ra	
		Dữ liệu	QCVN	Dữ liệu	QCVN	Dữ liệu	QCVN	Dữ liệu	QCVN	Dữ liệu	Giới hạn
		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	-	-	mg/l	mg/l	m ³	m ³
1	12/10/2025	1,69	130 ⁽¹⁾	10,29	195 ⁽¹⁾	6,95	5,5-9 ⁽¹⁾	8,02	26 ⁽¹⁾	28,86	1.000 ⁽²⁾
2	13/10/2025	1,69		10,40		7,09		8,60		198,25	
3	14/10/2025	1,71		11,11		7,02		9,26		276,22	
4	15/10/2025	2,46		10,44		6,90		9,51		259,59	
5	16/10/2025	1,92		13,04		7,10		13,17		219,48	
6	17/10/2025	1,79		13,96		6,94		14,10		220,84	
7	18/10/2025	1,77		14,34		6,95		14,31		204,40	
8	19/10/2025	1,75		15,05		6,90		14,02		226,42	
9	20/10/2025	1,75		14,94		6,89		14,19		190,72	
10	21/10/2025	1,79		13,95		6,94		11,80		247,56	
11	22/10/2025	1,91		11,16		7,39		2,72		300,29	

STT	Ngày	TSS		COD		pH		Amoni		Lưu lượng đầu ra	
12	23/10/2025	1,94	130 ⁽¹⁾	15,08	195 ⁽¹⁾	7,27	5,5-9 ⁽¹⁾	3,81	26 ⁽¹⁾	278,76	1.000 ⁽²⁾
13	24/10/2025	1,95		25,09		7,36		4,76		249,62	
14	25/10/2025	1,82		20,33		7,30		5,91		241,96	
15	26/10/2025	1,78		14,59		6,68		6,71		340,46	
16	27/10/2025	2,02		11,59		6,36		4,06		160,98	
17	28/10/2025	1,90		11,59		7,56		3,11		243,08	
18	29/10/2025	1,95		12,19		7,29		4,45		372,38	
19	30/10/2025	2,29		11,85		6,80		6,46		281,64	
20	31/10/2025	3,05		12,21		7,82		1,26		257,76	
21	01/11/2025	2,88		18,66		7,87		1,44		227,12	
22	02/11/2025	2,48		18,78		7,97		1,72		191,69	
23	03/11/2025	2,32		18,17		8,06		2,14		192,41	
24	04/11/2025	2,24		17,77		8,10		2,42		292,12	
25	05/11/2025	2,19	16,86	8,13	2,78	302,07					
26	06/11/2025	2,15	15,28	8,14	3,84	245,62					

STT	Ngày	TSS		COD		pH		Amoni		Lưu lượng đầu ra	
27	07/11/2025	2,10	130 ⁽¹⁾	14,10	195 ⁽¹⁾	8,13	5,5-9 ⁽¹⁾	3,64	26 ⁽¹⁾	368,47	1.000 ⁽²⁾
28	08/11/2025	2,05		12,88		8,09		3,90		320,58	
29	09/11/2025	2,02		12,12		7,90		4,19		151,85	
30	10/11/2025	1,99		12,96		7,15		11,11		327,11	

Ghi chú:

⁽¹⁾: QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột B, $K_q=1,3$, $K_f=1$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản.

⁽²⁾: Giấy phép môi trường số 29/GPMT-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng.